

TÓM TẮT

NGUYỄN THANH BÌNH, Đại học Nông Lâm Tp.Hồ Chí Minh, tháng 8/2011.
“Điều tra tình hình nhân giống và nghiên cứu ảnh hưởng của nồng độ các chất kích thích ra rễ đến sự ra rễ của cành vú sữa chiết tại huyện Châu Thành – Tiền Giang”

Giáo viên hướng dẫn ThS. THÁI NGUYỄN ĐIỂM HƯƠNG.

Mục tiêu: Đề tài được thực hiện nhằm tìm hiểu kỹ thuật nhân giống vú sữa mà người dân đang áp dụng tại địa phương, từ đó có những khuyến cáo thích hợp; xác định loại và nồng độ chất kích thích ra rễ sử dụng trong chiết cành mang lại hiệu quả cao, ra rễ nhiều, rút ngắn thời gian chiết.

1. Điều tra tình hình nhân giống vú sữa tại huyện Châu Thành – Tiền Giang

Phương pháp: điều tra ngẫu nhiên 30 hộ theo mẫu phỏng vấn ở 3 xã Long Hưng, Bàng Long, Vĩnh Kim huyện Châu Thành – Tiền Giang.

Kết quả điều tra cho thấy

Diện tích trồng vú sữa trong 30 hộ điều tra tại xã là 112.000 m², diện tích trung bình ở mỗi hộ là 3.733 m².

Về tình hình nhân giống: 100 % hộ nông dân nhân giống bằng phương pháp chiết với mục đích trồng trong vườn nhà là chính (53,3 %) và hoàn toàn không sử dụng hóa chất trong nhân giống. 53,3 % hộ chọn cành chiết có đường kính 0,5 – 1 cm (chiếm tỉ lệ cao nhất), chiều dài vết khoanh không phụ thuộc vào đường kính cành, vật liệu bó bầu chủ yếu sử dụng nilong trắng (100 %), độn bầu chủ yếu bằng xơ dừa (chiếm tỉ lệ 83,3 %)

Về kỹ thuật trồng và chăm sóc: đa số người dân trồng với kỹ thuật khác nhau. Số hộ trồng với khoảng cách 7 m x 7 m chiếm tỷ lệ cao nhất (80 %)

2. Nghiên cứu ảnh hưởng của nồng độ các chất kích thích ra rễ đến sự ra rễ của cành vú sữa chiết tại huyện Châu Thành - Tiền Giang”

Thí nghiệm được bố trí theo kiểu hoàn toàn ngẫu nhiên đơn yếu tố với 5 nghiệm thức và 4 lần lặp lại. Nghiệm thức ĐC (đề tự nhiên), nghiệm thức 2 xử lý cành chiết bằng NAA với nồng độ 750 ppm, nghiệm thức 3 xử lý bằng NAA 1.500 ppm, nghiệm thức 4 xử lý bằng hợp chất ENDO ROOTS SOLUBLE ở nồng độ 1.000 ppm, nghiệm thức 5 xử lý bằng hợp chất ENDO ROOTS SOLUBLE ở nồng độ 2.000 ppm.

Sau bố bầu 14 tuần tỉ lệ cành ra rễ giữa các nghiệm thức không có khác biệt. Nghiệm thức xử lý ENDO 1.000 ppm cho số rễ cao nhất 5,4 rễ/cành khác biệt rất có ý nghĩa so với ĐC và các nghiệm thức còn lại, thấp nhất là nghiệm thức ĐC 1,4 rễ/cành. Về chiều dài rễ nghiệm thức xử lý NAA 1.500 ppm đạt chiều dài rễ cao nhất 39,2 mm và khác biệt rất có ý nghĩa so với ĐC, thấp nhất là nghiệm thức xử lý NAA 750 ppm (11,4 mm)